

BẢNG THANH TOÁN TIỀN THƯỞNG THEO NĐ 73/2024/NĐ-CP CHO CB, GV, NV NĂM 2024

Số kinh phí thưởng cho CB,VC,LĐ: 219.330.000  
Tổng hệ số theo phân loại CB,VC,LĐ: 101,00

| TT | Họ và tên             | Xếp loại | HS xếp loại | Số quý đánh giá viên chức | Hệ số phân loại của từng CBVCLĐ | Số tiền thưởng | Ghi chú |
|----|-----------------------|----------|-------------|---------------------------|---------------------------------|----------------|---------|
| 1  | Lưu Thị Kim Oanh      | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 2  | Đỗ Thị Hoà            | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 3  | Lê Hương Cẩm          | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 4  | Đỗ Thị Dương          | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 5  | Nguyễn Thị Hạnh       | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 6  | Vũ T. Phương Hậu      | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 7  | Chu T. Thanh. Hương   | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 8  | Nguyễn Thu Hương      | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 9  | Nguyễn Thị Khanh      | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 10 | Ngô T. Hồng Loan      | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 11 | Tổng Thị Ngọc         | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 12 | Vũ Thị Ngọc           | XS       | 3,00        | 1                         | 3,00                            | 6.514.752      |         |
| 13 | Vũ Thị Ninh           | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 14 | Đoàn T. B. Phương     | HT       | 1,00        | 1                         | 1,00                            | 2.171.584      |         |
| 15 | Nguyễn Cẩm Thanh      | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 16 | Hà Thị Chung          | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 17 | Vũ T. Thanh Thủy      | XS       | 3,00        | 1                         | 3,00                            | 6.514.752      |         |
| 18 | Phạm Thị Hằng         | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 19 | Hoàng T Quỳnh Trang   | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 20 | Nghiêm Thị Ngân       | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 21 | Hà Thị Loan           | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 22 | Nguyễn Thị Tuyết      | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 23 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh    | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 24 | Nguyễn Thị Hoa        | XS       | 3,00        | 1                         | 3,00                            | 6.514.752      |         |
| 25 | Đàm Thị Phương        | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 26 | Lê Mỹ Duyên           | XS       | 3,00        | 1                         | 3,00                            | 6.514.752      |         |
| 27 | Vũ Thị An             | HT       | 1,00        | 1                         | 1,00                            | 2.171.584      |         |
| 28 | Bùi Thị Thu Hằng      | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 29 | Phạm Thu Huyền        | XS       | 3,00        | 1                         | 3,00                            | 6.514.752      |         |
| 30 | Nguyễn Thị Mai        | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 31 | Nguyễn Bích Phương    | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 32 | Nguyễn Thị Hương Lan  | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 33 | Nguyễn Thị Mai Phương | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 34 | Bùi Thị Phương Dung   | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 35 | Lê Thị Thu Hồng       | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 36 | Trần Thị Quỳnh Trang  | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 37 | Kiều Minh Trang       | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 38 | Bùi Anh Tú            | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |
| 39 | Phạm Thị Hoài Thu     | XS       | 3,00        | 1                         | 3,00                            | 6.514.752      |         |
| 40 | Phạm Thị Minh Huệ     | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168      |         |

| TT | Họ và tên           | Xếp loại | HS xếp loại | Số quý đánh giá viên chức | Hệ số phân loại của từng CBVCLĐ | Số tiền thưởng     | Ghi chú |
|----|---------------------|----------|-------------|---------------------------|---------------------------------|--------------------|---------|
| 41 | Nguyễn Thị Thu Hà   | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168          |         |
| 42 | Vũ Thị Hào          | XS       | 3,00        | 1                         | 3,00                            | 6.514.752          |         |
| 43 | Nguyễn Thanh Hiền   | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168          |         |
| 44 | Phạm Thị Thùy Dương | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168          |         |
| 45 | Hoàng Hiệp Định     | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168          |         |
| 46 | Vũ Thanh Thảo       | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168          |         |
| 47 | Lê Thùy Linh        | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168          |         |
| 48 | Đặng Thị Thoa       | HTTNV    | 2,00        | 1                         | 2,00                            | 4.343.168          |         |
|    | <b>Tổng cộng</b>    |          |             | <b>48</b>                 | <b>101</b>                      | <b>219.330.000</b> |         |

Số tiền bằng chữ:

Hai trăm mười chín triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng./.

**KẾ TOÁN**



**Đỗ Trường Thu**

